

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 999 /GP-UBND

Thanh Hoá, ngày 30 tháng 12 năm 2016

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN VÀ THUÊ ĐẤT
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 30/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường hiệu lực thực thi chính sách, pháp luật về khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 3635/QĐ-UBND ngày 20/9/2016 của UBND tỉnh phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia và xã Thanh Kỳ, huyện Như Thanh”;

Căn cứ Quyết định số 4546/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 của UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo phục hồi môi trường Dự án đầu tư khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia và xã Thanh Kỳ, huyện Như Thanh của Công ty CP Khoáng sản Fecon Hải Đăng;

Xét Đơn và hồ sơ của Công ty CP Khoáng sản Fecon Hải Đăng đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản và thuê đất tại xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia và xã Thanh Kỳ, huyện Như Thanh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1432/TTr-STNMT ngày 28/12/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

a) Cho phép Công ty CP Khoáng sản Fecon Hải Đăng được khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia và xã Thanh Kỳ, huyện Như Thanh, cụ thể như sau:

- Diện tích mỏ: 193.522,1 m²; trong đó, diện tích khu vực khai thác là 99.275,1 m² được giới hạn bởi các điểm góc 1, 1a, 1b, 2a, 3, 4 và 5 (diện tích thuộc xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia là 53.711,1 m², diện tích thuộc xã Thanh Kỳ, huyện Như Thanh là 45.564 m²); diện tích khu vực khai trường là 94.247 m² được giới hạn bởi các điểm góc từ 4 đến 19 có tọa độ xác định trên Bản đồ khu vực mỏ kèm theo;

- Mục đích sử dụng khoáng sản: Làm vật liệu xây dựng thông thường;
- Trữ lượng khoáng sản:
 - + Trữ lượng địa chất: 5.583.579 m³;
 - + Trữ lượng được khai thác: 4.950.168 m³;
- Công suất khai thác: 350.000 m³/năm;
- Mức sâu khai thác: Đến cos +35 m;
- Thời hạn khai thác: 14 năm 6 tháng, kể từ ngày ký Giấy phép; trong đó, thời gian xây dựng cơ bản mỏ là 04 tháng.
- Lệ phí cấp giấy phép: 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

b) Cho Công ty CP Khoáng sản Fecon Hải Đăng thuê 193.522,1 m² đất tại xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia và xã Thanh Kỳ, huyện Như Thanh để sử dụng vào mục đích khai thác khoáng sản và làm khai trường;

- Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo trích lục Bản đồ số 584/TLBĐ do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất - Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 10/10/2016;

- Loại đất: Đất khai thác khoáng sản, đơn vị đã bồi thường GPMB, được UBND huyện Như Thanh xác nhận tại Báo cáo số 281/BC-UBND ngày 20/10/2016 và UBND huyện Tĩnh Gia xác nhận tại Công văn số 2176/UBND-TNMT ngày 19/10/2016;

- Hình thức sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm;
- Phí thẩm định hồ sơ thuê đất: 250.000 đồng;
- Thời hạn sử dụng: 14 năm 6 tháng, kể từ ngày ký Giấy phép.

Điều 2. Công ty CP Khoáng sản Fecon Hải Đăng có trách nhiệm:

1. Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường, lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản và các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành;

2. Ký hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường;

3. Tiến hành hoạt động khai thác mỏ theo đúng tọa độ, diện tích, trữ lượng, công suất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này;

4. Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế mỏ được lập, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; cắm mốc giới khu vực được phép khai thác và báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, giám sát;

5. Thực hiện đầy đủ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án đầu tư khai thác mỏ đã được phê duyệt. Quản lý, sử dụng các sản phẩm khai thác, chế biến theo đúng quy định của pháp luật hiện hành;

6. Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ, an toàn vật liệu nổ; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan trong khai thác mỏ. Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

7. Thường xuyên thực hiện việc kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật;

Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện việc đóng cửa mỏ; phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác; báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

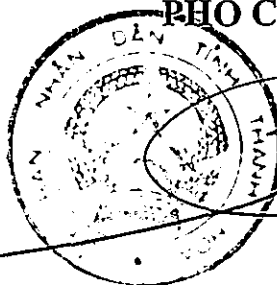
Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hoạt động khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường theo Giấy phép này, Công ty CP Khoáng sản Fecon Hải Đăng chỉ được phép tiến hành khai thác sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này; nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa hồ sơ thiết kế mỏ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày hoạt động sản xuất kinh doanh, kế hoạch khai thác, chế biến tại cơ quan chức năng của nhà nước theo quy định./.

Nơi nhận:

- Tổng Cục ĐC&KS Việt Nam;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Công ty CP Khoáng sản Fecon Hải Đăng;
- Các Sở: Xây dựng, TN&MT (07b);
- UBND các huyện: Tĩnh Gia, Như Thanh;
- UBND xã Tân Trường;
- UBND xã Thanh Kỳ;
- Lưu: VT, CN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền

Giấy phép khai thác khoáng sản này đã được đăng ký
nhà nước tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa

Số đăng ký:.....ĐK/KT

Thanh Hóa, ngày..... tháng..... năm 201

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

Phụ lục số: 01

**TỌA ĐỘ MỎ ĐÁ VỚI LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG
TẠI XÃ THANH KỶ, HUYỆN NHƯ THANH VÀ XÃ TÂN TRƯỜNG,
HUYỆN TĨNH GIA**

(Phụ lục kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số: 499 /GP-UBND
ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Khu vực	Điểm góc	Hệ tọa độ VN - 2000 (Kinh tuyến trục 105 ⁰⁰ ', múi chiếu 3 ⁰)	
		X (m)	Y (m)
Khu vực khai thác (99.275,1 m ²)	1	2144 962.03	568 127.50
	1a	2145 031.00	568 097.00
	1b	2145 110.00	568 175.00
	2a	2145 521.00	568 063.00
	3	2144 279.11	568 119.21
	4	2144 728.65	568 591.52
	5	2144 711.93	568 493.46
Khu vực khai trường (94.247 m ²)	4	2144 728.65	568 591.52
	5	2144 711.93	568 493.46
	6	2144 839.31	568 307.08
	7	2144 648.00	568 258.00
	8	2144 521.00	568 409.00
	9	2144 642.00	568 457.00
	10	2144 553.00	568 644.00
	11	2144 429.00	568 610.00
	12	2144 434.00	568 531.00
	13	2144 301.00	568 500.00
	14	2144 251.00	568 565.00
	15	2144 270.00	568 605.00
	16	2144 468.00	568 684.00
	17	2144 564.00	568 684.00
	18	2144 605.00	568 720.00
	19	2144 651.00	568 631.00